

Số: 137 /BC-UBND

Cần Thơ, ngày 10 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 06 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2024 của thành phố Cần Thơ

Thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân (HĐND) thành phố thông qua Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2024 của HĐND thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026; Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Cần Thơ báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) 06 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2024 của thành phố Cần Thơ như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. UBND thành phố ban hành Kế hoạch CCHC, Kế hoạch kiểm tra CCHC, Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2024. Trong đó, Kế hoạch CCHC năm 2024 của thành phố xác định **35 nhiệm vụ**, hoạt động cụ thể giao cho các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai, thực hiện. Đến nay các cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì thực hiện các nội dung trong kế hoạch CCHC năm 2024 đã chủ động triển khai và phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện **18/35** nhiệm vụ, hoạt động (đạt tỷ lệ 51,43%); những nhiệm vụ, hoạt động còn lại đang triển khai thực hiện từ nay đến cuối năm đảm bảo đúng tiến độ đề ra.

2. Thành phố kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC và Chuyển đổi số thành phố do Chủ tịch UBND thành phố là Trưởng ban.

3. Tổ chức Hội nghị công bố Chỉ số CCHC năm 2023 của sở, ban, ngành thành phố, UBND quận, huyện và triển khai các văn bản liên quan đến công tác CCHC. Theo đó, có 10 đơn vị xếp loại Rất Tốt, 17 đơn vị xếp loại Tốt, 02 đơn vị xếp loại Khá. Tại Hội nghị, Chủ tịch UBND thành phố trao tặng Bằng khen cho 05 tập thể và 12 cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện CCHC năm 2023.

4. Tổ chức 03 cuộc Tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm trong thực hiện CCHC tại 03 cụm quận, huyện; ban hành kế hoạch tổ chức cuộc thi đánh giá năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý.

5. Tăng cường công tác kiểm tra CCHC tại các cơ quan, đơn vị. Trong 06 tháng đầu năm, Đoàn Kiểm tra CCHC thành phố đã tiến hành kiểm tra đợt 1 tại **06** đơn vị, địa phương; Đoàn Kiểm tra hoạt động công vụ và đột xuất về công tác CCHC của Sở Nội vụ kiểm tra đột xuất tại **27** đơn vị, địa phương.

6. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền CCHC với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Duy trì thực hiện Chuyên trang CCHC và Diễn đàn trao đổi ý kiến trên Báo Cần Thơ; chuyên mục CCHC trên Đài Phát thanh và Truyền hình

thành phố; Sở Nội vụ phát hành 20 bản tin điện tử CCHC; Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện in và phát hành 15.000 tờ gấp thông tin, tuyên truyền liên quan đến công tác CCHC. Thông qua nhóm Zalo, Sở cung cấp nhanh văn bản chỉ đạo, điều hành công tác CCHC năm 2024 của thành phố đến các cơ quan báo chí địa phương, Trung ương đóng trên địa bàn, Phòng Văn hóa và Thông tin quận, huyện kịp thời thông tin, tuyên truyền đến người dân; Sở Tư pháp thực hiện soạn, biên tập trên 250 bản tin liên quan đến các văn bản pháp luật, sự kiện, các ngày lễ lớn... Đăng tải các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật lấy ý kiến do các sở, ban, ngành chủ trì soạn thảo lên Trang thông tin điện tử Phổ biến giáo dục pháp luật thành phố; xây dựng trên 40 video clip “Một phút để hiểu biết pháp luật”; Xây dựng 11 tờ gấp; biên soạn được 98 câu hỏi tình huống và giải đáp pháp luật về chương trình CCHC lĩnh vực giám định bảo hiểm y tế và thu bảo hiểm tự nguyện... Huyện Cờ Đỏ, huyện Vĩnh Thạnh duy trì tốt việc tuyên truyền trên Cổng Thông tin điện tử và Đài truyền thanh. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chuyển đổi số nhằm nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp về hoạt động chuyển đổi số tại địa phương. Từ đầu năm 2024 đến nay, trang thông tin chuyển đổi số tại địa chỉ <https://chuyendoiso.cantho.gov.vn> đã đăng tải hơn 20 tin, bài viết về công tác chuyển đổi số của thành phố, đồng thời chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Cổng thông tin điện tử thành phố cũng được cập nhật tin, bài thường xuyên. Bên cạnh đó, hằng năm thành phố đều đặt hàng xây dựng 26 chương trình “Chuyển đổi số” với thời lượng 10 phút/chương trình, được phát sóng định kỳ 02 số/tháng trên Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Cần Thơ và được phát lại trên nền tảng Youtube Cần Thơ TV và Hệ thống Đài truyền thanh cơ sở.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC 06 THÁNG ĐẦU NĂM

1. Cải cách thể chế

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm nâng cao chất lượng công tác tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Trong 6 tháng đầu năm, HĐND thành phố ban hành 10 Nghị quyết; UBND thành phố ban hành 09 Quyết định; thực hiện cập nhật 19 văn bản được ban hành lên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

b) UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 về thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; pháp chế; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2024, Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2024 của UBND thành phố về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của thành phố Cần Thơ năm 2023 theo quy định tại Chương IX Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trong 06 tháng, đã kiểm tra 09 Quyết định do UBND thành phố ban hành, kết quả đều phù hợp quy định pháp luật; kiểm tra 22 Quyết định do UBND quận, huyện ban hành, kết quả có 19/22 văn bản được ban hành

đúng thẩm quyền về hình thức và thẩm quyền về nội dung văn bản; 03 văn bản có sai sót về kỹ thuật trình bày, soạn thảo văn bản.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Thành phố phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC) năm 2024 trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Theo đó, tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa là 01 thủ tục. Đến nay, 01 TTHC đã được phê duyệt, thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa, tỷ lệ hoàn thành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa đạt 100%; tiết kiệm được 5.016.210 đồng/năm; tỷ lệ chi phí tiết kiệm đạt 5,18%.

b) Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương: **1.850** thủ tục. Trong đó: cấp thành phố: 1.456 thủ tục; cấp huyện: 260 thủ tục (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc); cấp xã: 134 thủ tục (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc).

c) Ngày 28 tháng 02 năm 2024, UBND thành phố Cần Thơ tổ chức lễ ra mắt Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Cần Thơ, đánh dấu sự chuyển biến, đột phá trong việc đẩy mạnh CCHC, nhất là cải cách TTHC và cách thức làm việc với người dân và doanh nghiệp vì một nền hành chính minh bạch, phục vụ. UBND quận, huyện, UBND xã, phường, thị trấn thành lập Bộ phận Một cửa để tiếp nhận, trả kết quả theo quy định. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tại phần lớn Bộ phận Một cửa đáp ứng yêu cầu phục vụ tổ chức, cá nhân có nhu cầu giải quyết TTHC.

d) Tiếp tục đẩy mạnh triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC, đến nay đã thực hiện số hóa được 352.586 giấy tờ của 608 loại kết quả giải quyết TTHC¹. Tỷ lệ số hóa hồ sơ kết quả giải quyết trên địa bàn thành phố đạt 64,79% (tăng 8,35% so với quý I năm 2024); trong đó cấp huyện đạt 70,09% (tăng 0,97% so với quý I năm 2024) và cấp xã đạt 85,53% (tăng 3,29% so với quý I năm 2024)². Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử thành phố đạt 73,96% (tăng 8,84% so với quý I năm 2024); trong đó cấp huyện đạt 79,81% (tăng 5,84% so với quý I năm 2024) và cấp xã đạt 88,50% (tăng 2,43% so với quý I năm 2024)³. Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa thành phố đạt 6,56% (giảm 0,18% so với quý I năm 2024); trong đó cấp huyện đạt 14,75% (tăng 0,51% so với quý I năm 2024) và cấp xã đạt 19,96% (tăng 1,72% so với quý I năm 2024)⁴.

Tổ chức kiểm thử, tích hợp 1.296 dịch vụ công trực tuyến lên Cổng Dịch vụ công quốc gia (trong đó, dịch vụ công trực tuyến một phần là 240; dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 1.056).

đ) Hồ sơ giải quyết TTHC được đồng bộ thường xuyên từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố với Cổng Dịch vụ công quốc gia, phục vụ tốt cho công tác quản lý, theo dõi tình hình tiếp nhận, xử lý hồ sơ. Trong kỳ, thành phố

¹ Số liệu: <https://sohoa-tthc.cantho.gov.vn/>.

² Tỷ lệ được giao tại Nghị quyết số 02/NQ-CP là tối thiểu 80%.

³ Tỷ lệ được giao tại Nghị quyết số 02/NQ-CP là tối thiểu 100%.

⁴ Tỷ lệ được giao tại Nghị quyết số 02/NQ-CP là tối thiểu 50%.

đã đồng bộ 191.654 hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; trong đó, cấp thành phố: 87.305 hồ sơ, cấp huyện: 28.524 hồ sơ, cấp xã: 75.823 hồ sơ.

e) Thành phố tiếp tục đẩy mạnh việc thanh toán trực tuyến phí/lệ phí, thuế trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trong kỳ, có 75.625 giao dịch thanh toán trực tuyến thành công với giá trị thanh toán hơn 35,1 tỷ đồng. Trong đó: Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 50% (tăng 3,04% so với quý I năm 2024); Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến đạt 62,5% (tăng 5,61% so với quý I năm 2024); Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 55,26% (tăng 2,09% so với quý I năm 2024) vượt tỷ lệ được giao (tối thiểu 45%) tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ.

g) Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC ở đơn vị, địa phương:

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn: 99,94%. Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong: 86.643 hồ sơ. Số lượng hồ sơ giải quyết đúng hạn: 86.593 hồ sơ.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn: 99,95%. Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong: 28.038 hồ sơ. Số lượng hồ sơ giải quyết đúng hạn: 28.025 hồ sơ.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn: 99,99%. Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong: 85.536 hồ sơ. Số lượng hồ sơ giải quyết đúng hạn: 85.530 hồ sơ.

h) Bên cạnh đó, thành phố thực hiện tốt việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC. Thông qua Hệ thống Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của Cổng Dịch vụ công quốc gia: tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo là 152 phản ánh, kiến nghị⁵. Kết quả: đã xử lý 148 phản ánh, kiến nghị, đạt 97,37%.

i) Kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến theo thời gian thực trên môi trường điện tử: đạt tỷ lệ 81,86% (xếp hạng 04/63 tỉnh, thành); trong đó nhóm chỉ số công khai, minh bạch đạt tỷ lệ 72,78%; nhóm chỉ số tiến độ, kết quả giải quyết đạt tỷ lệ 96%; nhóm chỉ số cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ 65,83%; nhóm chỉ số về thanh toán trực tuyến đạt tỷ lệ 91%; nhóm chỉ số số hóa hồ sơ đạt tỷ lệ 68,64%; nhóm chỉ số mức độ hài lòng đạt tỷ lệ 97,22%.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Về tổ chức bộ máy:

⁵ 117 phản ánh, kiến nghị từ chối tiếp nhận do không thuộc phạm vi tiếp nhận theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008; 03 phản ánh, kiến nghị chờ bổ sung thông tin.

- UBND thành phố quyết định quy định và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 04 cơ quan hành chính⁶; Chủ tịch UBND thành phố quyết định quy định và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 01 đơn vị sự nghiệp công lập⁷.

- Thành phố có văn bản gửi Bộ, ngành có liên quan lấy ý kiến đối với hồ sơ đề nghị thành lập Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Du lịch thành phố Cần Thơ; hồ sơ đề nghị giải thể Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 2 thành phố.

- Quyết định sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy 03 đơn vị⁸; giải thể 01 đơn vị⁹; điều chỉnh tên gọi tại Quyết định phê duyệt Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính giai đoạn 2022-2025 của 01 đơn vị¹⁰; phê duyệt Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính giai đoạn 2023-2025 của 05 đơn vị¹¹; công nhận xếp hạng 01 đơn vị¹²; thành lập 12¹³, kiện toàn 23¹⁴ và bãi bỏ 01¹⁵ tổ chức phối hợp liên ngành; công nhận thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ phát triển thể thao thành tích cao thành phố Cần Thơ nhiệm kỳ III (2024-2028).

⁶ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công Thương; Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ; Thanh tra thành phố.

⁷ Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

⁸ Bệnh viện Phụ sản, Bệnh viện Ung bướu trực thuộc Sở Y tế; Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

⁹ Trường Tiểu học Thực hành trực thuộc Trường Cao đẳng Cần Thơ.

¹⁰ Đoàn Quản lý giao thông thủy bộ thành Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông thủy bộ trực thuộc Sở Giao thông vận tải.

¹¹ Trường Cao đẳng Cần Thơ, Bệnh viện Mắt - Răng Hàm Mất thành phố Cần Thơ, Trung tâm Thể dục thể thao thành phố Cần Thơ, Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành phố; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Hội chợ triển lãm Cần Thơ.

¹² Trung tâm Công tác xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

¹³ Thành lập (13): (1) Hội đồng để xác định giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất của Công ty Cổ phần - Đầu tư Thương mại - Dịch vụ Điện lực thuê và giao Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố quản lý; (2) Ban Tổ chức Giải thưởng “Thành tựu y khoa thành phố Cần Thơ” chào mừng kỷ niệm 20 năm thành phố Cần Thơ trực thuộc Trung ương; (3) Ban Chi đạo Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số thành phố Cần Thơ lần thứ IV năm 2024; (4) Ban Chi đạo diễn tập khu vực phòng thủ quận Ninh Kiều và huyện Phong Điền, Cờ Đò năm 2024; (5) Tổ công tác đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023; (6) Ban Tổ chức Lễ hội Bánh dân gian Nam Bộ lần thứ XI năm 2024; (7) Ban Chi đạo Tết quần dân mừng Chól Chnăm Thmây năm 2024; (8) Ban Tổ chức Ngày hội khởi nghiệp Quốc gia của học sinh, sinh viên lần thứ VI tại thành phố Cần Thơ; (9) Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn thành phố Cần Thơ; (10) Ban Tổ chức Hội thi nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ “Tổ liên gia an toàn phòng cháy, chữa cháy” trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2024; (11) Ban Tổ chức Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật thành phố Cần Thơ lần thứ 13 (2024-2025); (12) Ban Chi đạo thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2024.

¹⁴ Kiện toàn (23): (1) Ban Chi đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm thành phố Cần Thơ; (2) Ban Công tác người cao tuổi thành phố Cần Thơ; (3) Hội đồng thẩm định tài liệu giáo dục địa phương cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Cần Thơ; (4) Ban Chi đạo phát triển du lịch thành phố Cần Thơ; (5) Ban Tổ chức các ngày lễ, kỷ niệm thành phố Cần Thơ; (6) Ban Chi đạo thi hành án dân sự; (7) Ban Chi đạo thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế thành phố Cần Thơ; (8) Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố; (9) Ban Chi đạo Cải cách hành chính và Chuyển đổi số thành phố Cần Thơ; (10) Ban Chi đạo phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; (11) Ban Chi đạo Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động thành phố Cần Thơ; (12) Hội đồng thẩm định tài liệu giáo dục địa phương cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông theo Chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Cần Thơ; (13) Hội đồng thẩm định hồ sơ thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp; (14) Ban An toàn giao thông thành phố; (15) Ban Chi đạo vận động hiến máu tình nguyện thành phố; (16) Ban Chi đạo thực hiện Đề án tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp trên địa bàn thành phố Cần Thơ; (17) Tổ công tác đặc biệt về hỗ trợ xúc tiến đầu tư và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhà đầu tư, dự án đầu tư vào thành phố; (18) Tổ công tác triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; (19) Ban Chi đạo cung cấp trình và sử dụng năng lượng của thành phố Cần Thơ; (20) Hội đồng thẩm định dự án không có cầu phần xây dựng các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước; (21) Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước; (22) Ban Chi đạo Phòng không nhân dân thành phố của Bộ Chỉ huy quân sự thành phố; (23) Ban Quản lý về công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể quốc gia văn hóa Chợ nổi Cái Răng.

¹⁵ Bãi bỏ Quyết định số 3830/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch UBND thành phố về việc thí điểm thành lập Tổ giám sát đầu giá tài sản công có giá khởi điểm để đầu giá từ 30 tỷ đồng trở lên trên địa bàn thành phố.

b) Về công tác biên chế:

Thành phố thực hiện việc giao, quản lý và sử dụng biên chế theo đúng quy định và quyết định giao biên chế của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Thường vụ Thành ủy và Nghị quyết của HĐND thành phố. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng biên chế được giao, thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước trong giai đoạn thực hiện tinh giản biên chế.

Để triển khai, thực hiện Quyết định số 1296-QĐ/TU ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về biên chế chính quyền địa phương cấp thành phố, cấp huyện; đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024, UBND thành phố đã trình HĐND thành phố quyết nghị biên chế công chức năm 2024 đối với cơ quan hành chính theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Đồng thời, đã kịp thời ban hành Quyết định thể chế hóa Nghị quyết giao biên chế công chức năm 2024 theo đúng biên chế đã được HĐND thành phố quyết nghị.

Đối với nội dung trình phê duyệt và giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2024, trên cơ sở báo cáo và đề xuất của Sở Nội vụ về quá trình thẩm định, xây dựng dự thảo Tờ trình trình HĐND thành phố phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2024 đã phát sinh khó khăn, vướng mắc đối với dự kiến số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND quận, huyện. Vì vậy, Ban cán sự đảng UBND thành phố đã có báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy, đồng thời UBND thành phố đã có văn bản báo cáo HĐND thành phố và đề nghị điều chỉnh thời gian trình quyết nghị phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2024 từ kỳ họp chuyên đề sang kỳ họp HĐND thành phố giữa năm 2024.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức:

Thực hiện quy định của Chính phủ¹⁶, UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện¹⁷; trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành các văn bản chỉ đạo¹⁸, đồng thời giao Sở Nội vụ hướng dẫn¹⁹ cơ quan, đơn vị và địa phương tiến hành xây dựng Đề án vị trí việc làm và xác định cơ cấu

¹⁶ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

¹⁷ Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2020 triển khai thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2020 triển khai Nghị định số 106/2020/NĐ-CP.

¹⁸ Công văn số 4376/UBND-NC ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố về việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

¹⁹ Hướng dẫn số 310/HD-SNV ngày 09 tháng 02 năm 2023 xây dựng vị trí việc làm công chức, viên chức và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; Công văn số 3505/SNV-TCBC ngày 13 tháng 11 năm 2023 hướng dẫn cơ quan, đơn vị và địa phương về xây dựng đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp. Theo đó, thành phố đã hoàn thành phê duyệt vị trí việc làm theo đúng thời gian quy định, kết quả cụ thể như sau:

- Số lượng cơ quan hành chính và tổ chức khác đã được phê duyệt vị trí việc làm: 139/139 cơ quan, tổ chức, đạt tỷ lệ 100%.

- Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập đã được phê duyệt vị trí việc làm:

Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập đến thời điểm báo cáo: 527 đơn vị, trong đó: Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện phê duyệt vị trí việc làm: 523/523 đơn vị, đạt tỷ lệ 100%. Số đơn vị sự nghiệp công lập không đủ và chưa đủ điều kiện phê duyệt vị trí việc làm: 04 đơn vị (lý do: 03 đơn vị²⁰ đang thực hiện thủ tục giải thể và 01 đơn vị²¹ đang thực hiện thủ tục để chuẩn bị đi vào hoạt động do thành lập mới).

b) Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức: Hoàn thành việc tuyển dụng công chức hành chính năm 2023. Theo đó, tuyển dụng thông qua hình thức thi tuyển với **55** chỉ tiêu²²; tuyển dụng thông qua hình thức tiếp nhận vào làm công chức với **29** chỉ tiêu²³.

c) Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức: Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với 12 trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố. Hoàn thành công tác đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2023 đối với Giám đốc Sở (trương đương), Chủ tịch UBND quận, huyện theo quy định. Ngoài ra, căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, UBND thành phố đã có chủ trương chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu ban hành Quyết định quy định việc đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

d) Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương: ý thức trách nhiệm của CBCCVV được nâng lên, đặc biệt đối với người đứng đầu của các cơ quan, đơn vị, địa phương, góp phần thực hiện đúng và tốt hơn chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao trên tinh thần tôn trọng nguyên tắc, kỷ cương trong thực thi công vụ. Để tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm thực thi nhiệm vụ, công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức; phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra của năm 2024 và các năm tiếp

²⁰ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 2 thành phố; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải; Trung tâm Dịch vụ tư vấn thuộc Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ.

²¹ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố.

²² Theo Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc phê duyệt kết quả tuyển dụng công chức năm 2023; Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc hủy bỏ kết quả trúng tuyển và phê duyệt bổ sung kết quả trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức năm 2023.

²³ Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc phê duyệt kết quả tiếp nhận vào làm công chức.

theo, trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, lãnh đạo của Trung ương, Thành ủy, Chủ tịch UBND thành phố đã có Công văn số 1526/UBND-NC ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

đ) Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

Căn cứ các quy định có liên quan về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, nhu cầu của cơ quan, đơn vị (thông qua các sở, ban, ngành, quận, huyện), trên cơ sở kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hằng năm và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của thành phố, UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024; đồng thời chỉ đạo cơ quan chuyên môn ban hành văn bản triển khai, hướng dẫn thực hiện công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Đồng thời, thực hiện rà soát, cử công chức lãnh đạo, quản lý đăng ký tham gia bồi dưỡng ngắn hạn, trung hạn ở nước ngoài; đăng ký, cử công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý đào tạo, bồi dưỡng theo quy định (sau đại học, lãnh đạo, quản lý cấp sở...); thống nhất chủ trương tổ chức lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương tại địa phương và thực hiện các báo cáo chuyên ngành và các lĩnh vực có liên quan²⁴, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước²⁵....

5. Cải cách tài chính công

Trong 06 tháng đầu năm 2024, cấp thành phố có 40/40²⁶ cơ quan hành chính thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính.

Các đơn vị sự nghiệp công lập tiến hành xây dựng phương án tự chủ và trình phê duyệt phương án theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố là 537 đơn vị (cấp thành phố là 114 đơn vị, cấp huyện là 423 đơn vị), trong đó có 44 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên.

²⁴ Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Thành ủy “Về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo”; tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI của Bộ Chính trị về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030; tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 18 tháng 8 năm 2014 của Bộ Chính trị “Về tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình hiện nay”.

²⁵ Chương trình học bổng JDS năm 2024; cử nhân sự tham gia chương trình Học bổng tiếng Anh Hè 2024 tại Philippines; bồi dưỡng chuyên viên cao cấp; bồi dưỡng quản lý cấp sở, cấp huyện...

²⁶ Sở Nội vụ (Văn phòng Sở, Ban Thi đua - Khen thưởng, Ban Tôn Giáo: sử dụng chung tài khoản, con dấu và Quy chế chi tiêu nội bộ).

Các đơn vị đều thể hiện trách nhiệm và chủ động trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; đều thực hiện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công, đồng thời công khai sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đúng theo quy định, có ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao để làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức, viên chức và người lao động. Việc xây dựng quy chế căn cứ vào các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, không có trường hợp xây dựng vượt chế độ, tiêu chuẩn, định mức.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương:

Thành phố ban hành Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2024 về triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 của Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn thành phố Cần Thơ, trong 06 tháng đầu năm 2024, thành phố ban hành Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính và Chuyển đổi số, Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2024 về hành động nâng cao chất lượng hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2024, Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2024 về Chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn thành phố Cần Thơ, Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2024 về kiểm tra, đánh giá và duy trì dữ liệu; kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các quy định trong công tác bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ năm 2024; thành lập Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số, 100% sở, ban, ngành, UBND quận, huyện đều thành lập Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số; tất cả các xã, phường, thị trấn thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng. Triển khai thiết lập mạng lưới hạ tầng hỗ trợ Tổ Công nghệ số cộng đồng từ cấp thành phố đến người dân thông qua 5 cấp nhóm trên nền tảng Zalo.

b) Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng phát triển dữ liệu số và các ứng dụng, dịch vụ nội bộ:

Các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung được triển khai như: Kho dữ liệu dùng chung trong cơ quan nhà nước thành phố, Kho quản lý dữ liệu số của tổ chức, cá nhân, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, Cổng dữ liệu thành phố, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thư điện tử, Cổng thông tin điện tử, Hệ thống thông tin quản lý cán bộ công chức viên chức, Tổng đài Công dịch vụ công thành phố 1022; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành phiên bản trên thiết bị di động có tích hợp chữ ký số tạo điều kiện thuận lợi cho lãnh đạo, công chức xử lý văn bản mọi lúc, mọi nơi với tỉ lệ văn bản, hồ sơ công việc thực hiện trên môi trường mạng và tổng số văn bản, hồ sơ công việc của thành phố đạt 98%. Tổng số văn bản được gửi liên thông của toàn thành phố là 58.529 văn bản (trong đó có 33.985 văn bản cấp thành phố, 14.778 văn bản cấp quận huyện, 9.766 cấp xã) và tổng số văn bản nhận liên thông là 195.730 văn bản (trong đó 76.741 văn

bản cấp thành phố, 26.508 văn bản cấp huyện, 92.481 văn bản cấp xã), tổng số văn bản được ký số là 46.801 văn bản.

Hệ thống thư điện tử thành phố đảm bảo hoạt động ổn định và hiệu quả; thường xuyên rà soát và cấp phát thư điện tử cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức thuộc khối cơ quan cấp thành phố, UBND quận, huyện, xã, phường, thị trấn. Đến nay, có đã có tổng số 13.575 hộp thư được cấp, trong đó 7.075 hộp thư đang hoạt động. Hệ thống Hội nghị truyền hình được triển khai cho 100% UBND quận, huyện, xã, phường, thị trấn với hơn 130 điểm cầu phục vụ nhanh chóng, kịp thời cho công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo thành phố, lãnh đạo quận, huyện đến chính quyền cấp cơ sở. Từ ngày 05/12/2023 đến 15/5/2024, UBND thành phố, các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện đã tổ chức tổng cộng 56 cuộc họp trực tuyến. Thành phố đã xây dựng các API kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin báo cáo của thành phố với Hệ thống báo cáo Chính phủ và với Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác của thành phố. Việc xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống thông tin báo cáo mang lại một số hiệu quả cụ thể như: tin học hóa chế độ báo cáo, số hóa dữ liệu, thu thập, tổng hợp thông tin từ các cơ quan các cấp, từ đó hình thành kho cơ sở dữ liệu dùng chung các số liệu về các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố nhằm phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý và điều hành của UBND thành phố.

c) Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố được kết nối, khai thác thông tin, dữ liệu dân cư với các dịch vụ của CSDLQG về dân cư, đảm bảo an ninh an toàn, đáp ứng yêu cầu để phục vụ cho việc tra cứu, xác thực dữ liệu dân cư khi giải quyết các TTHC, điều này sẽ giúp cho người dân không phải xuất trình hoặc nộp các bản sao có chứng thực của các giấy tờ công dân khi thực hiện các TTHC Nhà nước, rút ngắn thời gian xử lý, giảm chi phí và thời gian đi lại của người dân, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân.

Tổng số dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình của thành phố là **1.282** (trong đó có 227 dịch vụ công trực tuyến một phần, 1.055 dịch vụ công trực tuyến toàn trình); từ đầu năm 2024 đến nay, tổng số lượng hồ sơ trực tuyến là 104.756/150.594 đạt tỷ lệ **69%**.

Đối với 02 thủ tục liên thông: Tính đến ngày 13/5/2024, đã tiếp nhận 1.736 hồ sơ: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm cho trẻ em dưới 6 tuổi 1.671 hồ sơ; Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ mai táng phí, trợ cấp mai táng phí 65 hồ sơ.

Công Thông tin điện tử thành phố tại địa chỉ (<https://cantho.gov.vn>) và 33 Cổng thành phần chuẩn bị nâng cấp để đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Thành phố có 07 kênh tương tác với người dân, doanh nghiệp qua Tổng đài dịch vụ công thành phố Cần Thơ tại địa chỉ <https://1022.cantho.gov.vn>, hệ thống tiếp nhận 317 phản ánh từ

đầu năm 2024. Ngoài ra, thành phố đã triển khai Cổng dữ liệu mở tại địa chỉ: <https://data.cantho.gov.vn> đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định.

Thành phố đã triển khai Hệ thống thông tin báo cáo thành phố Cần Thơ, được cài đặt và vận hành tại địa chỉ <https://baocao.cantho.gov.vn> phục vụ công tác thống kê báo cáo của UBND thành phố; tạo ra hệ thống xử lý các công việc chuyên môn của từng cơ quan, phòng ban được chuẩn xác, nhanh chóng và góp phần nâng cao khả năng, năng lực của cán bộ trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành phải nhanh chóng, hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu của phát triển, hội nhập.

Tích cực vận động người dân đăng ký, sử dụng ứng dụng “Can Tho Smart”, là ứng dụng công dân số Cần Thơ, ứng dụng trên nền tảng di động cung cấp đa dịch vụ, tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước.

d) Về tình hình thực hiện ISO: thành phố có 122/122 cơ quan, đơn vị (đạt tỷ lệ 100%) đã công bố HTQLCL theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Thành phố ban hành Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2024 phê duyệt Kế hoạch kiểm tra hoạt động áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính thuộc thành phố Cần Thơ năm 2024. Kết quả, đã kiểm tra tại 05 cơ quan²⁷. Qua kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã đôn đốc, hỗ trợ các cơ quan rà soát, cập nhật quy trình nội bộ giải quyết TTHC đầy đủ, kịp thời, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, cũng như hướng dẫn hoạt động duy trì, cải tiến hệ thống để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả của HTQLCL theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của các đơn vị.

7. Kết quả cải thiện các chỉ số liên quan đến công tác CCHC

a) Đánh giá các chỉ số CCHC năm 2023:

- Theo kết quả công bố, Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2023 của thành phố Cần Thơ đạt 83,12%, xếp hạng **23/63** tỉnh, thành phố, tăng 4,02%, tăng **13** bậc so với năm 2022 (hạng 36). Chỉ số Hiệu quả Quản trị và hành chính công (PAPI) năm 2023 của thành phố Cần Thơ đạt 40,17 điểm, xếp hạng **53/61** tỉnh, thành phố, tăng 0,244 điểm và tăng 02 bậc so với năm 2022 (hạng 55).

- Chỉ số CCHC thành phố Cần Thơ năm 2023 đạt **86,15%** (tăng 0,04% so với năm 2022), xếp hạng **42/63** tỉnh, thành phố, giảm 16 bậc so với năm 2022 (hạng 26); xếp thứ 6/13 tỉnh, thành phố khu vực đồng bằng sông Cửu Long (giảm 2 bậc so với năm 2022), thứ 5/5 thành phố trực thuộc Trung ương (giảm 1 bậc so với năm 2022). Cụ thể kết quả như sau:

+ Điểm thâm định (căn cứ báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2023 của thành phố Cần Thơ và theo dõi, đánh giá của bộ, ngành có liên quan): 57,17/61,5 điểm (tăng 1,32 điểm, xếp thứ 17/63 tỉnh, thành phố).

+ Điểm đánh giá tác động của CCHC:

²⁷ Sở Thông tin và Truyền thông, Thanh tra thành phố, Công an thành phố, UBND quận Ô Môn, UBND quận Cái Răng.

. Điểm Chỉ số SIPAS: 8,35/10 điểm (tăng 0,28 điểm, tăng 13 bậc so với năm 2022, xếp hạng 23/63 tỉnh, thành phố).

. Điểm khảo sát lãnh đạo quản lý đánh giá CCHC của thành phố: 17,58/22 điểm (tăng 0,43 điểm, xếp hạng 51/63 tỉnh, thành phố).

. Điểm đánh giá tác động của CCHC đến sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố: 3,04/6,5 điểm (giảm 02 điểm so với năm 2022).

b) Nguyên nhân không đạt kết quả tốt:

Kết quả Chỉ số CCHC năm 2023 có sự cải thiện về điểm, tuy nhiên giảm về thứ hạng (16 hạng), qua đó cho thấy:

- Công tác chỉ đạo điều hành tiếp tục là một trong những chỉ số đạt kết quả cao cho thấy mức độ quan tâm của lãnh đạo thành phố trong công tác chỉ đạo điều hành là rất quyết liệt và đi vào thực tiễn.

- Có 5/8 lĩnh vực đạt trên 90% (Công tác chỉ đạo điều hành, Cải cách TTHC; Cải cách thể chế, Cải cách tổ chức bộ máy, Cải cách tài chính công) so với năm 2022 chỉ có 3 lĩnh vực; 2 lĩnh vực dưới 80% (Cải cách chế độ công vụ, Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế xã hội) và 1 lĩnh vực đạt 82,36% (Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử). Lĩnh vực đạt chỉ số cao nhất là Công tác chỉ đạo điều hành (99,70%). Kế đến là Cải cách thủ tục hành chính (96,05%) và Cải cách tài chính công (92,31%). Lĩnh vực thấp điểm nhất là tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển Kinh tế - Xã hội (69,09%).

- Có thể thấy tiêu chí tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển Kinh tế - Xã hội là thấp điểm nhất. Trong đó các tiêu chí thành phần không đạt điểm hoặc đạt điểm rất thấp là *Không tăng số vốn thu hút đầu tư của thành phố so với năm 2022; Không tăng Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường; Không tăng số vốn đăng ký của doanh nghiệp*. Thực hiện thu ngân sách hàng năm của thành phố theo Kế hoạch được Chính phủ giao, căn cứ số liệu kết xuất ngày 31/01/2024 của Kho bạc nhà nước, số liệu thu ngân sách nhà nước năm 2023 của Cần Thơ thuộc nhóm 20 địa phương cao từ vị trí thứ 31 đến 50 so với 63 tỉnh và cuối cùng là tiêu chí Về mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND thành phố giao, thành phố Cần Thơ có 17 chỉ tiêu kinh tế - xã hội được giao năm 2023, chỉ có 05 chỉ tiêu vượt Kế hoạch và có 08 chỉ tiêu đạt Kế hoạch đã đề ra.

c) Giải pháp cải thiện các chỉ số trong năm 2024:

Để cải thiện chỉ số trong năm 2024, Kế hoạch CCHC năm 2024 của thành phố đã xác định mục tiêu Cần Thơ thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố đạt kết quả cao nhất về Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số Hiệu quả Quản trị và hành chính công (PAPI); UBND thành phố đã giao Sở Nội vụ chủ trì phân tích và phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch cải thiện và nâng cao các chỉ số của thành phố năm 2024; đồng thời, tổ chức Hội nghị phân tích các chỉ số nêu

trên vào giữa tháng 6 để phân tích, đánh giá sâu các nội dung đánh giá, từ đó khắc phục triệt để các hạn chế, khó khăn, vướng mắc để cải thiện các tiêu chí bị đánh giá thấp.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

a) Công tác chỉ đạo, điều hành, xây dựng thể chế, cơ chế, chính sách được lãnh đạo thành phố, các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện. Thành phố đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo tăng cường công tác CCHC và chuyển đổi số. Các sở, ngành, địa phương trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao đã ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện.

b) Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về CCHC gắn với chuyển đổi số, chính quyền số được các ngành, địa phương quan tâm thực hiện qua nhiều hình thức, phương tiện khác nhau như đối thoại trực tiếp, qua phương tiện truyền thông đại chúng, công/trang thông tin điện tử, mạng xã hội.

c) Các hệ thống dùng chung như hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp xã, hệ thống quản lý văn bản và điều hành thành phố phục vụ việc gửi nhận văn bản điện tử liên thông 04 cấp, hệ thống thông tin quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp; Tổng đài 1022 tiếp nhận xử lý phản ánh kiến nghị của người dân mang lại hiệu quả bước đầu, góp phần nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo được nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, chi phí, tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động cơ quan nhà nước phục vụ người dân và doanh nghiệp.

2. Những khó khăn, bất cập

a) Việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong thời gian qua số lượng yêu cầu cấp của cá nhân ngày càng tăng; vì vậy việc trả kết quả cho người dân vẫn còn một số ít trường hợp trễ hẹn so với quy định, nguyên nhân do có một số hồ sơ phức tạp cần có sự phối hợp của nhiều cơ quan, đơn vị nên Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia gửi kết quả về trễ hẹn so với quy định (Quy chế phối hợp số 02/QCPH-TTLLTPQG-C53).

b) Nhóm chỉ tiêu về số hóa hồ sơ chưa đạt so với tỷ lệ giao tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024.

c) Một số cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu bộ ngành, nền tảng số dùng chung triển khai còn chậm, còn tình trạng chồng chéo, thiếu đồng bộ chia sẻ dữ liệu giữa Bộ ngành trung ương và địa phương như: Y tế, Giao thông vận tải, Lao động thương binh xã hội, Tài nguyên môi trường... còn rời rạc, dữ liệu chưa cập nhật đầy đủ, còn chưa chính xác, chưa tích hợp đầy đủ về Kho dữ liệu dùng chung của thành phố để chia sẻ dữ liệu dùng chung.

d) Việc đầu tư trang thiết bị hạ tầng, phần mềm nền tảng cho Trung tâm điều hành đô thị thông minh còn gặp nhiều khó khăn, do hiện nay hầu hết các địa

phương cũng đang trong giai đoạn bước đầu triển khai thực hiện, chưa đánh giá được kết quả và xác định phương pháp hiệu quả cho việc đầu tư, mô hình hiệu quả cho IOC.

3. Hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế:

- Một số cơ quan, đơn vị còn tình trạng cập nhật thông tin giải quyết hồ sơ TTHC chưa kịp thời (hồ sơ trả kết quả đúng hạn nhưng trễ hạn trên hệ thống)²⁸; còn tình trạng giải quyết hồ sơ TTHC trễ hạn: UBND quận Ninh Kiều (01 hồ sơ)²⁹, UBND quận Bình Thủy (05 hồ sơ), Sở Kế hoạch và Đầu tư (01 hồ sơ)³⁰, Sở Tài nguyên và Môi trường (25 hồ sơ), Sở Y tế (02 hồ sơ)³¹, Sở Giao thông vận tải (07 hồ sơ).

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận Một cửa một số cơ quan, đơn vị xuống cấp; các phần mềm, ứng dụng đôi lúc bị chậm, lỗi kỹ thuật mất nhiều thời gian để khắc phục, xử lý. Điều này ảnh hưởng đến việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ TTHC của tổ chức, cá nhân.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa trong giải quyết TTHC của thành phố đạt còn thấp (6,56%).

- Nguồn nhân lực quản lý, triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan, nhà nước còn thiếu và yếu, nhất là ở cấp xã.

- Các đơn vị sự nghiệp tuy có sự đổi mới trong phương thức quản lý nhưng năng lực tự chủ của các đơn vị sự nghiệp vẫn còn một số hạn chế; cơ chế phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước về cơ bản vẫn thực hiện theo yếu tố đầu vào và theo biên chế, chưa gắn với số lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

b) Nguyên nhân hạn chế:

- Nguyên nhân khách quan:

+ Điều kiện tiếp cận công nghệ số, kỹ năng số của bộ phận người dân còn hạn chế, đặc biệt là vùng nông thôn trong việc tiếp cận sử dụng các dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước do chưa có ký số, thiết bị di động thông minh, tài khoản thanh toán điện tử; công tác thông tin, tuyên truyền chưa được các cơ quan, đơn vị quan tâm đúng mức.

+ Các cơ quan, đơn vị, địa phương luôn quan tâm đẩy mạnh công tác tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến nhưng số lượng phát sinh còn chưa cao một phần do việc thực hiện các bước tạo tài khoản và nộp hồ sơ còn gặp nhiều khó khăn dẫn đến người dân e ngại khi nộp qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

²⁸ UBND huyện Vĩnh Thạnh (13 hồ sơ), UBND huyện Phong Điền (08 hồ sơ); UBND quận Cái Răng (21 hồ sơ).

²⁹ Lĩnh vực đất đai.

³⁰ Do sở, ngành liên quan có ý kiến trễ.

³¹ Do lỗi xử lý trên hệ thống.

+ Việc thanh toán trực tuyến phải thực hiện chức năng thanh toán trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tuy nhiên thường xuyên bị chậm, lỗi, hỗ trợ xử lý chậm; còn gặp khó do hệ thống các đơn vị trung gian cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến đôi khi lỗi; chưa có biên lai thu phí thanh toán trực tuyến đồng bộ dẫn đến người dân và doanh nghiệp khó thực hiện; một số đơn vị (nhất là cấp huyện, cấp xã) việc tạo lập đăng ký tài khoản, chưa thực hiện rà soát, lập danh mục TTHC có thu phí, lệ phí.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC của lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị địa phương chưa thực hiện một cách quyết liệt, thường xuyên, liên tục, chưa coi đây là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị mình. Một số cơ quan, đơn vị chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhất là vai trò của người đứng đầu. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn thiếu chủ động, chưa chặt chẽ, kịp thời, hiệu quả chưa cao.

+ Trách nhiệm trong thực thi công vụ của một bộ phận cán bộ, công chức chưa cao, chưa có ý thức thay đổi thói quen sử dụng văn bản điện tử thay cho văn bản giấy; còn một số cán bộ, công chức trong giải quyết TTHC chưa kịp thời cập nhật hồ sơ lên hệ thống Một cửa dẫn đến hồ sơ trễ hạn.

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị máy tính, máy scan trong cơ quan nhà nước phần lớn có cấu hình thấp, xuống cấp, việc thay thế, sửa chữa khắc phục của một số cơ quan, đơn vị còn chậm, (70% máy tính đầu tư trước năm 2018, đã hết khấu hao) nên chưa đảm bảo điều kiện thực hiện số hóa hồ sơ TTHC.

+ Nguồn nhân lực quản lý, triển khai chính quyền số trong các cơ quan, nhà nước còn thiếu và yếu, nhất là ở cấp xã. Do vừa thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và thực hiện nhiều thao tác để xử lý trên hệ thống phần mềm giải quyết hồ sơ TTHC nên đôi khi dẫn đến quá tải công việc, nhất là tại các địa phương có phát sinh hồ sơ nhiều; ngoài ra, lãnh đạo tại một số đơn vị chưa tham gia nhiều vào việc xử lý trên hệ thống dẫn đến việc phải xử lý công việc vừa bản giấy vừa làm trên hệ thống, điều này làm tăng thêm công việc cho công chức.

+ Việc phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên chưa thực sự gắn kết giữa giao nhiệm vụ và giao kinh phí nên còn tình trạng trông chờ, ỷ lại vào sự bao cấp của nhà nước và cũng là nguyên nhân làm chậm quá trình đẩy nhanh xã hội hóa đối với những dịch vụ công.

c) Giải pháp khắc phục:

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung về sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế, xây dựng Đề án sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn đến năm 2025 theo chủ trương của Nghị quyết số 19-NQ/TW. Sắp xếp lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực sau khi có quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2022-

2026 và kế hoạch tinh giản biên chế từng năm. Quán triệt trong đội ngũ công chức, viên chức về đạo đức công vụ, chống quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu, thực thi công vụ với tinh thần chính quyền phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Tổ chức thực hiện rà soát, đơn giản hóa quy trình giải quyết TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025.

- Tập trung tuyên truyền, hướng dẫn cá nhân, tổ chức khai thác, sử dụng lại thông tin, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đã được số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; quyết tâm nâng cao tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa, không để xảy ra tình trạng yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đã được số hóa hoặc chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành theo đúng quy định như chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị; tham gia đầy đủ các bước trong xử lý hồ sơ công việc, giải quyết TTHC kịp thời. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của người dân và công chức về chuyển đổi số, kinh tế số và xã hội số; phát huy vai trò Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển chính quyền số, chuyển đổi số.

- Tập trung thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, khuyến khích người dân tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tích hợp dữ liệu tại các cơ quan, đơn vị về Kho dữ liệu của thành phố phục vụ chia sẻ cho các cơ quan, đơn vị; khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin quản lý, xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ tốt công tác quản lý của các cơ quan, đơn vị.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM TRONG 06 THÁNG CUỐI NĂM 2024

Để góp phần tăng cường công tác CCHC trong 06 tháng cuối năm, UBND thành phố sẽ tập trung các yêu cầu nhiệm vụ CCHC theo Nghị quyết của HĐND thành phố, phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế tồn tại, UBND thành phố đề ra các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

1. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Bộ, ban, ngành Trung ương, của Thành ủy, UBND thành phố để hành động quyết liệt, hiệu quả hơn trong công tác chỉ đạo, điều hành; nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát

việc thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nêu cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; tham mưu thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch của UBND thành phố có liên quan đã ban hành. Cập nhật văn bản (cả văn bản còn hiệu lực và hết hiệu lực thi hành) trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; tham mưu UBND thành phố trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, phấn đấu hoàn thành đảm bảo về thời gian và nâng cao chất lượng các báo cáo thẩm định, soạn thảo, góp ý văn bản quy phạm pháp luật theo nhiệm vụ được giao.

3. Thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình và tổ chức thực hiện các kế hoạch về công tác kiểm soát TTHC, rà soát, đánh giá TTHC, số hóa kết quả giải quyết TTHC bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả. Tiếp tục tập trung theo dõi, triển khai giải pháp cải thiện chỉ số tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử; đặc biệt là chỉ số về thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung về sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 40-KL/TW, Kết luận số 50-KL/TW, Kết luận số 62-KL/TW, Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ³², Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ³³ và Kế hoạch số 253-KH/TU ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Thành ủy³⁴.

5. Tổ chức tuyển dụng công chức hành chính năm 2024. Phối hợp với Trường Chính trị xúc tiến triển khai kế hoạch mở các lớp bồi dưỡng ngạch công chức (chuyên viên chính, chuyên viên); kỹ năng lãnh đạo, quản lý (cấp phòng, cấp xã). Rà soát, điều chỉnh bổ sung kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức 06 tháng cuối năm 2024 và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2025.

6. Tiếp tục theo dõi tình hình thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP tại các cơ quan hành chính cho đến khi Chính phủ ban hành Nghị định thay thế mới. Thẩm tra phương án tự chủ tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ; quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị hành chính tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

³² Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ Chính trị.

³³ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

³⁴ Thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp về chuyển đổi số; hướng dẫn người dân sử dụng tài khoản VNeID để đăng nhập Công dịch vụ công quốc gia; tăng cường công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện. Đẩy mạnh triển khai Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Theo dõi, đánh giá kết quả triển khai Đề án xây dựng thành phố Cần Thơ phát triển thành đô thị thông minh.

8. Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra CCHC, công vụ tại các cơ quan, đơn vị để kịp thời phát hiện và xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp sai phạm trong thực thi công vụ. Rà soát, sửa đổi Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác CCHC cho cán bộ, công chức trên địa bàn thành phố.

Trên đây là báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về kết quả thực hiện công tác CCHC 06 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2024 của thành phố Cần Thơ. /.

(Đính kèm các Phụ lục)

Nơi nhận:

- TT TU, TT HĐND TP (để b/c);
- Đại biểu HĐND TP;
- Sở, ban, ngành TP;
- UBND quận, huyện;
- VP UBND TP (2,3,4,5,6,7);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, ĐTS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Việt Trường



Phụ lục I
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THÀNH THÀNH PHỐ CẦN THƠ
06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số 137 /BC-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Kết quả đạt 18/35 nhiệm vụ, đạt 51,43%

STT	Nội dung CCHC	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
I	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	1. Tham mưu Hội đồng triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2023 của thành phố.	Báo cáo kết quả xác định Chỉ số CCHC thành phố năm 2023	Sở Nội vụ	Các sở: Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND thành phố	Theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ Tháng 12/2023	* Đã thực hiện Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 22/01/2024
		2. Xác định Chỉ số CCHC năm 2023 đối với các sở, ngành thành phố, UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố.	- Quyết định phê duyệt Chỉ số CCHC năm 2023 của UBND thành phố - Khen thưởng công tác CCHC năm 2023	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý IV/2023, Quý I/2024	* Đã thực hiện - Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 21/02/2024
		3. Xây dựng và triển khai Kế hoạch kiểm tra CCHC	- Kế hoạch kiểm tra CCHC	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	- Ban hành kế hoạch tháng	* Đang triển khai Kế hoạch số 247/KH-UBND ngày 14/12/2023; Quyết

	<p>năm 2024 tại các đơn vị, địa phương.</p>	<p>- Quyết định thành lập Đoàn Kiểm tra</p> <p>- Thông báo kết luận kiểm tra</p>			<p>12/2023</p> <p>- Thực hiện trong Quý II, III/2024</p>	<p>định số 52/QĐ-UBND ngày 12/01/2024; TBKL kiểm tra đợt 1 được 06 đơn vị gồm Sở Thông tin và Truyền thông, Thanh tra thành phố, Công an thành phố, Sở Y tế, UBND quận Ô Môn, UBND quận Cái Răng</p>
<p>4. Xây dựng kế hoạch và triển khai điều tra đo lường sự hài lòng của người dân đối với lĩnh vực giáo dục, y tế</p>	<p>Báo cáo kết quả khảo sát</p>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế</p>	<p>Các sở, ban, ngành thành phố, UBND huyện và cơ quan có liên quan</p>	<p>Trong năm 2024</p>	<p>Chưa tới thời gian thực hiện</p>	<p>Chưa tới thời gian thực hiện</p>
<p>5. Thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức về thực hiện công tác CCHC để phục vụ xác định Chỉ số CCHC năm 2024 đối với các sở, ban, ngành thành phố và UBND cấp huyện.</p>	<p>Báo cáo kết quả khảo sát</p>	<p>Viện Kinh tế - Xã hội thành phố</p>	<p>Các sở, ngành thành phố, UBND huyện và cơ quan có liên quan</p>	<p>Trong năm 2024</p>	<p>Chưa tới thời gian thực hiện</p>	<p>Chưa tới thời gian thực hiện</p>
<p>6. Xây dựng Kế hoạch khắc phục Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng (SIPAS) và Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI), Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)</p>	<p>Kế hoạch của UBND thành phố</p>	<p>Sở Nội vụ (Chỉ số CCHC, SIPAS, PAPI) Sở Kế hoạch và Đầu tư (Chỉ số</p>	<p>Các sở, ban, ngành thành phố, các cơ quan ngành dọc và UBND cấp huyện, cấp xã</p>	<p>Sau khi Trung ương công bố các chỉ số có liên quan</p>	<p>* Đang triển khai thực hiện Sở Nội vụ có Tờ trình số 1572/TTr-SNV ngày 22/5/2024 trình UBND thành phố ban hành Kế hoạch cải thiện các chỉ số CCHC</p>	<p>* Đang triển khai thực hiện Sở Nội vụ có Tờ trình số 1572/TTr-SNV ngày 22/5/2024 trình UBND thành phố ban hành Kế hoạch cải thiện các chỉ số CCHC</p>

					PCI)		Các sở, ngành thành UBND huyện và các cơ quan có liên quan	Trong năm 2024	* Đang triển khai thực hiện
	7. Học tập và trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm thực hiện công tác CCHC	Kế hoạch hoặc Báo cáo của Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Các sở, ngành UBND huyện và các cơ quan có liên quan	Các sở, ngành UBND huyện và các cơ quan	Trong năm 2024	* Đang triển khai thực hiện
	8. Xây dựng Kế hoạch CCHC, Kế hoạch tuyên truyền, Kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2025.	Kế hoạch của UBND thành phố	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý IV/2024	Chưa tới thời gian thực hiện
II	Cải cách thể chế	9. Ban hành, triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra, rà soát xử lý VBQPPL năm 2024	Kế hoạch của UBND thành phố	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Ban hành kế hoạch: Quý I/2024. Thực hiện: Trong năm 2024.	* Đã thực hiện Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 09/01/2024
	10. Thăm định 100% đề nghị của các cơ quan, đơn vị đối với các dự thảo VBQPPL trước khi trình HĐND, UBND TP ban hành đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định	Báo cáo tham định của Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành	Các sở, ban, ngành	Trong năm 2024.	* Đã thực hiện Sở Tư pháp thực hiện tham định 05 dự thảo Nghị quyết của HĐND thành phố; 18 dự thảo Quyết định của UBND thành phố; Góp ý 13 dự thảo văn bản quy phạm của trung ương, 61 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của địa phương.

		11. Ban hành, triển khai Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	Kế hoạch của UBND thành phố	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Ban hành kế hoạch: Quý I/2024. Thực hiện: Trong năm 2024.	* Đã thực hiện Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 03/01/2024
		12. Kiểm tra theo dõi thi hành pháp luật liên ngành	Quyết định thành lập Đoàn Kiểm tra, thông báo kết luận kiểm tra	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Quý III, IV năm 2024.	Chưa tới gian thực hiện
		13. Tập huấn công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật	Lớp tập huấn, hội nghị	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Trong năm 2024.	* Đang triển khai thực hiện
III	Cải cách TTHC	14. Xây dựng Kế hoạch kiểm soát TTHC; Kế hoạch, rà soát, đánh giá TTHC năm 2024	Các Kế hoạch của UBND thành phố	Văn phòng UBND thành phố	Các sở, ban, ngành	Quý I/2024	* Đã thực hiện - Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 27/12/2023 - Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 27/12/2023
		15. Triển khai thực hiện các hoạt động kiểm soát TTHC; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; thực hiện TTHC trên môi trường điện tử trên địa bàn thành phố	Các Quyết định, văn bản chỉ đạo	Văn phòng UBND thành phố	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cấp xã	Trong năm 2024	* Đã thực hiện - Công văn số 881/UBND-KSTT ngày 13/3/2024 - Công văn số 848/UBND-KSTT ngày 07/3/2024 - Công văn số 805/UBND-KSTT ngày 06/3/2024 - Công văn số 469/UBND-KSTT ngày 02/02/2024 - Công văn số 621/UBND-KSTT ngày 21/02/2024 - Công văn số 573/UBND-

							<p>KSTT ngày 16/02/2024</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 679/UBND-KSTT ngày 26/02/2024 - Công văn số 572/UBND-KSTT ngày 16/02/2024 - Công văn số 571/UBND-KSTT ngày 16/02/2024 - Công văn số 555/UBND-KSTT ngày 15/02/2024 - Công văn số 436/UBND-KSTT ngày 01/02/2024 - Công văn số 103/UBND-KSTT ngày 09/01/2024 - Công văn số 49/UBND-KSTT ngày 04/01/2024 - Công văn số 327/UBND-KSTT ngày 24/01/2024
	<p>16. Công bố TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ theo VBQPPL của Trung ương (sau khi nhận được quyết định công bố TTHC của các bộ, ngành) và của địa phương.</p>	<p>Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố</p>	<p>Các sở, ban, ngành tỉnh</p>	<p>Văn phòng UBND phố.</p>	<p>Trong năm 2024</p>	<p>* Đã thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 2985/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 - Quyết định số 2994/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 - Quyết định số 3078/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 - Quyết định số 3097/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 - Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 - Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 - Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 - Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 - Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 04/01/2024 - Quyết định số 34/QĐ- 	

									<ul style="list-style-type: none">- UBND ngày 08/01/2024- Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 15/01/2024- Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 16/01/2024- Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 16/01/2024- Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 17/01/2024- Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 17/01/2024- Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 22/01/2024- Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 24/01/2024- Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 24/01/2024- Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 26/01/2024- Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 30/01/2024- Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 31/01/2024- Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 31/01/2024- Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 31/01/2024- Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 31/01/2024- Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 01/02/2024- Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 01/02/2024- Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 01/02/2024- Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 02/02/2024
--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

							<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 - Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 - Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 <p>* Đang triển khai thực hiện</p>
					Sở Tư pháp, Văn phòng UBND phố	Trong năm 2024	
				Sở, ngành được giao chủ trì soạn thảo văn bản	Văn phòng thành phố, Sở, ngành được giao chủ trì soạn thảo văn bản và các cơ quan có liên quan	Trong năm (nếu có)	* Đang triển khai thực hiện
17. Thực hiện đánh giá tác động đối với các quy định về TTHC trong các dự thảo văn bản QPPL (trường hợp được Luật giao).	Biểu mẫu đánh giá tác động quy định TTHC của sở, ngành tỉnh.	Sở Tư pháp	Sở, ngành	Sở, ngành được giao chủ trì soạn thảo văn bản	Văn phòng thành phố, Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cận Thơ, Trung tâm phục	Trong năm 2024	* Đã thực hiện Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2024 (lĩnh vực Y tế)
18. Cho ý kiến, thẩm định về quy định TTHC trong các dự thảo văn bản QPPL (trường hợp được Luật giao).	Văn bản thẩm định	Sở Tư pháp					
29. Rà soát, đánh giá, đơn giản hóa TTHC	Quyết định hoặc Báo cáo của UBND thành phố	Cơ quan chuyên môn thành phố, Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cận Thơ, Trung tâm phục			Văn phòng UBND phố	Trong năm 2024	

	<p>20. Thực hiện các quy định tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố</p>	<p>Báo cáo của các cơ quan, đơn vị có phản ánh, kiến nghị</p>	<p>vụ hành chính công thành phố, UBND cấp huyện, UBND cấp xã</p>	<p>Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã</p>	<p>Văn phòng UBND thành phố</p>	<p>Trong năm 2024</p> <p>* Đã thực hiện Tinh đến ngày 14/5/2024, thành phố tiếp nhận 137 phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của Công Dịch vụ công quốc gia</p>
<p>IV</p>	<p>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</p>	<p>21. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp thành phố</p>	<p>Quyết định của UBND thành phố</p>	<p>Các sở, ban ngành</p>	<p>Sở Tư pháp, Sở Nội vụ</p>	<p>Năm 2024 (khi có hướng dẫn của Trung ương).</p> <p>* Đã thực hiện - Huyện Phong Điền Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phong Điền; Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện</p>
	<p>22. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện</p>	<p>Quyết định của UBND huyện</p>	<p>UBND cấp huyện</p>	<p>Sở Nội vụ</p>	<p>Năm 2024 (khi có hướng dẫn của Trung ương).</p>	

<p>Phong Điền; Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện Phong Điền; Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Phong Điền.</p> <p>- Quận Bình Thủy Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND quận Bình Thủy (Phòng Kinh tế)</p>						
<p>* Đang triển khai thực hiện</p>	<p>Năm 2024 (khi có quy định của Trung ương).</p>	<p>Sở Nội vụ</p>	<p>Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện</p>	<p>Quyết định của UBND thành phố</p>	<p>23. Thực hiện phân cấp quản lý giữa các cấp chính quyền địa phương theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tình hình thực tế của thành phố</p>	
<p>* Đã thực hiện giải thể 01 đơn vị¹; điều chỉnh tên gọi tại Quyết định phê duyệt Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính giai đoạn 2022-2025 của 01 đơn vị²; phê duyệt Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>Trong năm 2024</p>	<p>Sở Nội vụ</p>	<p>Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện</p>	<p>Báo cáo của các cơ quan, đơn vị (nếu có)</p>	<p>24. Rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập để nâng cao hiệu quả hoạt động</p>	

¹Trường Tiểu học Thực hành trực thuộc Trường Cao đẳng Cần Thơ.

²Đoạn Quản lý giao thông thủy bộ thành Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông thủy bộ trực thuộc Sở Giao thông vận tải.

									<p>vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính giai đoạn 2023-2025 của 05 đơn vị³</p>
		25. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế theo quy định của Trung ương và của thành phố	Báo cáo của Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Trong năm 2024			<p>* Đang triển khai thực hiện</p>
V	Cải cách chế độ công vụ	26. Tổ chức sắp xếp, bố trí CBCCVN theo đề án vị trí việc làm đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập	Báo cáo của cơ quan, đơn vị	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Trong năm 2024			<p>* Đã thực hiện</p> <p>Chi tịch UBND thành phố đã ban hành các văn bản chỉ đạo⁴, đồng thời giao Sở Nội vụ hướng dẫn⁵ cơ quan, đơn vị và địa phương tiến hành xây dựng Đề án vị trí việc làm và xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp. Theo đó, thành phố đã hoàn thành phê duyệt vị trí việc làm theo đúng thời gian quy định, kết quả cụ thể như sau:</p> <p>- Số lượng cơ quan hành chính và tổ chức khác đã được phê duyệt vị trí việc làm: 139/139 cơ quan, tổ chức, đạt tỷ lệ 100%.</p> <p>- Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập đã được phê duyệt vị trí việc làm:</p>

³ Trường Cao đẳng Cần Thơ, Bệnh viện Mắt - Răng Hàm Mũi thành phố Cần Thơ, Trung tâm Thể dục thể thao thành phố Cần Thơ, Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành phố; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Hội chợ triển lãm Cần Thơ.

⁴ Công văn 4376/UBND-NC ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố về việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

⁵ Hướng dẫn số 310/HD-SNV ngày 09 tháng 02 năm 2023 xây dựng vị trí việc làm công chức, viên chức và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; Công văn số 3505/SNV-TCBC ngày 13 tháng 11 năm 2023 hướng dẫn cơ quan, đơn vị và địa phương về xây dựng đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

<p>Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập đến thời điểm báo cáo: 527 đơn vị, trong đó: Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện phê duyệt vị trí việc làm: 523/523 đơn vị, đạt tỷ lệ 100%; Số đơn vị sự nghiệp công lập không đủ và chưa đủ điều kiện phê duyệt vị trí việc làm: 04 đơn vị (lý do: 03 đơn vị đang thực hiện thủ tục giải thể và 01 đơn vị đang thực hiện thủ tục để chuẩn bị đi vào hoạt động do thành lập mới).</p>				<p>- Sở Nội vụ tuyển dụng công chức. - Sở, ngành, UBND cấp huyện tuyển dụng viên chức.</p>	<p>- Sở, ngành cấp - UBND huyện</p>	<p>Trong năm 2024</p>	<p>* Đang triển khai thực hiện Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 16/02/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc phê duyệt kết quả thi tuyển công chức hành chính năm 2023 và Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 của Chủ tịch UBND thành phố về việc phê duyệt kết quả tiếp nhận vào làm công chức.</p>
			<p>Sở Nội vụ</p>	<p>- Kế hoạch của UBND thành phố - Báo cáo</p>	<p>- Sở UBND huyện</p>	<p>Trong năm 2024</p>	<p>* Đang triển khai thực hiện</p>
			<p>Sở Nội vụ</p>	<p>Thực hiện thi nâng ngạch lên chuyên viên và tương đương, chuyên viên lên chuyên viên chính</p>			

⁶ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 2 thành phố; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải; Trung tâm Dịch vụ tư vấn thuộc Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ

⁷ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố

	<p>29. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVV năm 2024 đối với số, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã</p>	<p>- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVV của thành phố</p> <p>- Báo cáo của Sở Nội vụ</p>	Sở Nội vụ	Các số, ban, ngành; UBND cấp huyện	Tháng 12/2023. Quý IV/2024	* Đang triển khai thực hiện Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 27/11/2023
VI	<p>Cải cách tài chính công</p> <p>30. Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính</p>	<p>- Kế hoạch kiểm tra công vụ hoặc Báo cáo của Sở Nội vụ</p>	Sở Nội vụ	Các số, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Trong năm 2024	* Đã thực hiện - Kế hoạch số 94/KH-SNV ngày 11/01/2024 của Sở Nội vụ; Báo cáo số 628/BC-DKT ngày 29/02/2024 của Đoàn Kiểm tra Sở Nội vụ; Báo cáo số 1437/BC-DKT ngày 09/5/2024 của Đoàn Kiểm tra Sở Nội vụ
	<p>31. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024</p>	Báo cáo của Sở Tài chính	Sở Tài chính. Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các số, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Tháng 01/2025	* Chưa tới thời gian thực hiện
	<p>32. Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính</p>	Báo cáo của Sở Tài chính	Sở Tài chính	Các số, ban, ngành UBND cấp huyện.	Quý I, II/2024	* Đã thực hiện Báo cáo kết quả hàng quý thông qua Báo cáo CCHC định kỳ
	<p>33. Triển khai thực hiện quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021</p>	Báo cáo của Sở Tài chính (lồng ghép trong báo cáo chuyên đề CCHC)	Các số, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Tài chính.	Trong năm 2024	* Đang triển khai thực hiện
VII	<p>Xây</p> <p>34. Xây dựng và theo dõi</p>	- Kế hoạch	Sở Thông	Các số, ban,	Quý I/2024	* Đang triển khai thực hiện

	<p>dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền</p>	<p>triển khai thực hiện các nhiệm vụ Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số năm 2024.</p>	<p>UBND thành phố</p> <p>- Báo cáo kết quả</p>	<p>tin và Truyền thông</p>	<p>ngành và UBND cấp huyện</p>	<p>Quý IV/2024</p>	<p>- Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 08/4/2024 về Chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn thành phố Cần Thơ;</p> <p>- Tiếp tục triển khai, theo dõi, báo cáo kết quả hàng quý về Bộ TT&TT, UBND thành phố</p> <p>* <i>Đã thực hiện</i></p> <p>- Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 28/3/2024 về hành động nâng cao chất lượng hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2024</p> <p>- Báo cáo kết quả hàng quý thông qua Báo cáo CCHC định kỳ</p>
	<p>35. Tiếp tục thực hiện giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến</p>	<p>Báo cáo của Sở</p> <p>Thông tin và Truyền thông về dịch vụ công trực tuyến hoặc lòng ghép trong báo cáo chuyên đề về CCHC</p>	<p>Sở Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện</p>	<p>Trong năm 2024</p>		



Phụ lục II

BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ
06 THÁNG NĂM 2024 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Kèm theo Báo cáo số 137/BC-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Biểu mẫu 1

Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chi tiêu thông kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thông kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quản trị)	Văn bản	45	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lấy kể đến thời điểm báo cáo)	%	51,43	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	35	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	18	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số số, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	04	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	02	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	01	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Cơ quan, đơn vị	02	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	50%	01 cơ quan, đơn vị
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	84	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	30	Đang tổ chức thực hiện 54 nhiệm vụ
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	0	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1		

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chi tiêu thông kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thông kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do đơn vị, địa phương tham mưu ban hành hoặc ban hành	Văn bản	23	
1.1.	Số VBQPPL tham mưu HĐND thành phố, UBND thành phố ban hành	Văn bản	17	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	06	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành (do UBND cấp huyện thông kê)	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		0	
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	17	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	01	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	UBND quận Bình Thủy đang nghiên cứu thực hiện
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	12	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	12	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	12	

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý; 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thông kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	01	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	235	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	229	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1850	
1.4.1.	Số TTHC cấp thành phố	Thủ tục	1456	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	260	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc, do UBND cấp huyện thông kê)	Thủ tục	134	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	262	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	94	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	19	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,94	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	86,643	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	86,593	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,95	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	28,038	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	28,025	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn (do UBND cấp huyện thông kê)	%	99,99	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	85,536	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	85,530	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) và quy định TTHC	%	97,37	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	152	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	148	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chi tiêu thông kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thông kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ phòng chuyên môn thuộc sở, ngành đã hoàn thành sắp xếp đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	01	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	05	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (DVSNCL) tại đơn vị, địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.1.	Số DVSNCL thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	13	
1.5.2.	Số DVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	99	
1.5.3.	Số DVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	415	
1.5.4.	Tỷ lệ DVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	14,86	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1.853	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.734	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giảm trong kỳ báo cáo	Người	04	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giảm so với năm 2015	%	12	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có)			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	19.554	UBND TP đang thực hiện thủ tục

STT	Chỉ tiêu thống kê (<i>Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm</i>)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,95	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	28,038	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	28,025	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn (<i>do UBND cấp huyện thống kê</i>)	%	99,99	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	85,536	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	85,530	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	97,37	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (<i>trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến</i>)	PAKN	152	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	148	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chi tiêu thông kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thông kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	139	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	523	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập đến thời điểm báo cáo: 527 đơn vị, trong đó: Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện phê duyệt vị trí việc làm: 523/523 đơn vị, đạt tỷ lệ 100%. Số đơn vị sự nghiệp công lập không đủ và chưa đủ điều kiện phê duyệt vị trí việc làm: 04 đơn vị (lý do: 03 đơn vị ² đang thực hiện thủ tục giải thể và 01 đơn vị ³ đang thực hiện thủ tục đề chuẩn bị đi vào hoạt động do thành lập mới)
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			

² Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 2 thành phố; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải; Trung tâm Dịch vụ tư vấn thuộc Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ

³ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	55	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	1	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	29	Tiếp nhận
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lấy kể từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chi tiêu thông kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thông kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	52,45	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	9.718.095	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	5.096.965	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (DVSN) tại đơn vị, địa phương (tỷ lệ đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số DVSN công lập tại đơn vị, địa phương	Đơn vị	537	
2.2.	Số DVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số DVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	44	Cấp thành phố: 34, cấp huyện: 10
2.4.	Số DVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	146	
2.4.1	Số DVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	6	Cấp thành phố: 6, cấp huyện: 0
2.4.2	Số DVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	23	Cấp thành phố: 16, cấp huyện: 7
2.4.3	Số DVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	117	Cấp thành phố: 44, cấp huyện: 73
2.5.	Số DVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	347	Cấp thành phố: 14, cấp huyện: 333
2.6.	Số lượng DVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (tỷ lệ kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chi tiêu thông kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thông kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	139	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	523	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập đến thời điểm báo cáo: 527 đơn vị, trong đó: Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện phê duyệt vị trí việc làm: 523/523 đơn vị, đạt tỷ lệ 100%. Số đơn vị sự nghiệp công lập không đủ và chưa đủ điều kiện phê duyệt vị trí việc làm: 04 đơn vị (lý do: 03 đơn vị ² đang thực hiện thủ tục giải thể và 01 đơn vị ³ đang thực hiện thủ tục đề chuẩn bị đi vào hoạt động do thành lập mới)
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vị phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			

² Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 2 thành phố; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải; Trung tâm Dịch vụ tư vấn thuộc Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ

³ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	55	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	1	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	29	Tiếp nhận
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Liấy kể từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chi tiêu thông kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thông kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	52,45	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	9.718.095	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	5.096.965	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (DVSN) tại đơn vị, địa phương (tùy kê đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số DVSN công lập tại đơn vị, địa phương	Đơn vị	537	
2.2.	Số DVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số DVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	44	Cấp thành phố: 34, cấp huyện: 10
2.4.	Số DVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	146	
2.4.1	Số DVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	6	Cấp thành phố: 6, cấp huyện: 0
2.4.2	Số DVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	23	Cấp thành phố: 16, cấp huyện: 7
2.4.3	Số DVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	117	Cấp thành phố: 44, cấp huyện: 73
2.5.	Số DVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	347	Cấp thành phố: 14, cấp huyện: 333
2.6.	Số lượng DVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (tùy kê đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7

Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Chi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND thành phố - UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND thành phố - UBND cấp huyện - 100% cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp thành phố đến cấp xã	%	100	
5.1.1	Sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND thành phố	%	100	
5.1.2	Quận, huyện đã kết nối, liên thông với UBND thành phố	%	100	
5.1.3	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện (do UBND cấp huyện tổng hợp)	%	100	
5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	98	
5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của tại sở, ngành	%	100	
5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100	

STT	Chi tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) (Sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã (do UBND cấp huyện tổng hợp)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã (do UBND cấp huyện tổng hợp)	%	94	
5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của thành phố			
5.3.1	Sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2	Quận, huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống (do UBND cấp huyện tổng hợp)	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) (đối với UBND cấp huyện: tổng hợp cả số liệu của cấp xã và ghi chú số liệu của từng cấp)			
6.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
6.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	1055	
6.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	1055	
6.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	80,76	
6.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	349	Cấp huyện: 72 Cấp xã: 40
6.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	323	Cấp huyện: 71 Cấp xã: 39
6.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	72,4	Cấp huyện: 64,6% Cấp xã: 96,3%
6.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	62196	Cấp huyện: 5061 Cấp xã: 9917
6.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	45060	Cấp huyện: 3271 Cấp xã: 9555